

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22/7/2022

"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Lương Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chủ - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Dương Thị Thu Hồng - Chủ tịch hội LHPN xã Cẩm Ninh

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện An Thi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2021/TLST - HNGĐ ngày 09/12/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 07/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Đắc H, sinh năm 1986 (có mặt)

Bị đơn: Chị Bùi Thị Tuyết Nh, sinh năm 1987 (có mặt)

Người có QLVN liên quan: Cháu Bùi Ng A, sinh năm 2008

Người đại diện hợp pháp của cháu Ánh: Anh H- Bố đẻ của cháu

Đều trú tại: CT, XT, ẤT, Hưng Yên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Ánh: Bà Nguyễn Thu Hiền – Trợ giúp viên trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên (có mặt)

Người làm chứng: Bà Mai Thị Lá, sinh năm 1960 (có mặt)

Trú tại: CT, XT, ẤT, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2021 và lời khai của anh H trình bày: Anh và chị Nh quen nhau từ nhỏ, sau một thời gian tìm hiểu, anh chị về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Trúc vào năm 2006. Sau khi cưới anh, chị chung sống cùng gia đình. Do mới sinh con nên chị Nh nghỉ thai sản ở nhà, mọi việc trong gia đình, kinh tế do anh lo liệu, thời gian đầu do làm ăn thuận lợi nên đảm bảo được cuộc sống vợ con, thời gian sau đó làm ăn thua lỗ anh không kiếm được tiền, nợ nhiều đã tạo áp lực lớn cho anh cần sự chia sẻ của chị Nh, Nhưng chị Nh lạnh nhạt, hơn nữa mâu thuẫn giữa chị Nh

và gia đình chồng cũng trầm trọng, mẹ chồng nàng dâu xô sát cãi nhai, nhắc nhở chị Nh nhiều lớn Nhng không thay đổi, gia đình lục đục, tình cảm các thành viên trong gia đình luôn có khoảng cách, cuộc sống không có hạnh phúc. Tháng 6/2021 anh đã làm đơn xin ly hôn chị Nh, sau khi hòa giải vì nghĩ đến con nên vợ chồng cho nhau cơ hội, vì vậy tháng 9/2021 anh rút đơn về Nhng chị Nh không thay đổi, có lời nói xúc phạm anh, con cái không quan tâm, vì thế anh lại làm đơn xin ly hôn chị Nh.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Bùi Ng A

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của chị Nh trình bày: Chị và anh H tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân. Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc, sinh được 1 con gái chung. Sau đó xích mích với nhau do anh H đánh cờ bạc, phá phách, hàng ngày chị đi làm để kiếm tiền trả nợ, năm 2020 anh H bị bắt bạc chị phải lo cho anh H Nhng gia đình bảo chị không có làm ăn, suốt ngày đi ngủ hết thằng này đến thằng khác, về đánh đập chị.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Bùi Ng A, sinh năm 2008

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung là 01 mảnh đất mua của anh Bùi Đắc Tiền với chiều rộng tám mét đường 2,5m chạy dài hết đất, ngoài ra khi chung sống với nhau anh chị có sửa chữa nhà, đồ dùng gia đình, chị Nh tạm tính là 550.000.000 đồng.

Về nợ: Vợ chồng có nợ bà mai Thị Lá (mẹ đẻ của chị Nh), trong đó anh H phải có trách nhiệm trả là 170.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Lá (mẹ đẻ của chị Nh) trình bày: Anh chị tự tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân trúc vào năm 2006. Sau khi cưới chị Nh về ngay gia đình chồng chung sống. Bà thấy anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc, năm 2020 anh H chơi cờ bạc bị bắt, vợ chồng có đến nhờ bà vay tiền, sau đó anh H làm đơn xin ly hôn chị Nh. Tháng 9/2021 anh H rút đơn về, bà nghĩ anh chị về ở với nhau Nhng không được, tháng 12/2021 anh H lại làm đơn ly hôn, bà có nói chuyện với anh H có gì thì vợ chồng bỏ qua cho nhau Nhng anh H nói không ở được nữa nên kiên quyết ly hôn. Nay anh H xin ly hôn chị Nh, việc anh H chị Nh ở với nhau hay không là quyền của anh chị

Về con chung: Anh H, chị Nh có 01 con chung là Bùi Ng A, sinh năm 2008. Hiện nay đang ở với anh H

Về tài sản chung: Anh H, chị Nh có 2,5m đất mua của anh Tiền vào năm 2014 với giá 50.000.000 đồng

Về nợ: Anh H, chị Nh có nợ bà số tiền 390.000.000 đồng, ngoài ra anh H còn nợ riêng bà 50.000.000 đồng. Bà không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Lập (mẹ đẻ của anh H): Anh chị là người cùng làng, tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho các cháu vào năm 2006, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Trúc. Sau khi cưới chị Nh về ngay gia đình chồng chung sống, một thời gian thì anh chị đi làm ăn xa khi thì Miền Nam, khi thì Quảng Ninh, khi thì Hà Nội. Khoảng cuối năm

2019 thì anh chị về quê ở. Quá trình chung sống, thời gian trước bà thấy anh chị chung sống bình thường, đến khi về quê vợ chồng anh chị thuê nhà, mở cửa hàng cắt tóc, sau đó chị Nh thường xuyên nói, dân làng góp ý với bà là bà về bảo con dâu đừng nói chồng tại quán không tự ái, có gì thì về bảo nhau, sau đó bà thấy anh chị cãi nhau nhiều, bà có tham gia vợ chồng mỗi người nhìn nhau một lúc, nếu không được thì giải quyết. Sau đó anh chị về trong nhà ở, bà thấy các cháu to tiếng, thường xuyên quát mắng cháu Ánh, sau đó cháu lại vào bảo bà. Năm 2021, vợ chồng không ở được với nhau anh H làm đơn ly hôn, Nhng sau đó anh H rút đơn lại, tuy nhiên vợ chồng vẫn không về ở được với nhau nên anh H lại làm đơn ly hôn. Nay quan điểm của gia đình bà là việc các cháu không ở được với nhau nữa thì đề nghị giải quyết cho anh H, chị Nh ly hôn.

Về con chung: Anh H, chị Nh có 01 con chung là Bùi Ng A, sinh năm 2008. Hiện nay cháu đang ở với anh H

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh H, chị Nh có gì, nợ ai tôi không rõ

Tại biên bản lấy lời khai của anh Tiền (em trai của anh H): Anh chị tìm hiểu nhau, sau đó báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị vào năm 2006. Sau khi cưới chị Nh về ngay gia đình chồng chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng anh H, chị Nh có mâu thuẫn hay không anh không rõ, vì anh H, chị Nh đi làm ăn ở Miền Nam, khi thì Quảng Ninh, khi thì Hà Nội, thời gian 01 năm trở lại đây thì vợ chồng anh H, chị Nh mới về quê ở, Nhng do anh và vợ chồng anh H, chị Nh không sống gần nhau, anh chỉ nghe nói anh chị cãi nhau nguyên nhân tại sao anh không rõ. Đối với 2,5m đất chị Nh khai mua của anh Nhng trong giấy tờ chỉ có 2m có nguồn gốc mẹ anh cho mượn 2m đất bám mặt đường, do chiều ngang đất nhỏ, chật trội nên tôi có nói với anh H là anh H lấy đất đó để ở, còn anh ra ngoài mua chỗ đất khác, anh H nhất trí và đưa cho anh 50.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy tờ viết tay, Nhng lại cho anh H để ở. Chứ anh khẳng định làm gì có đất mà chuyển Nhng vì đất là của các cụ để lại cho bố mẹ anh.

Về con chung: Anh H, chị Nh có 01 con chung là Bùi Ng A, sinh năm 2008. Hiện nay cháu đang ở với anh H.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Xuân Trúc: Anh H, chị Nh là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Trúc vào ngày 25/8/2006 tại số 52. Quá trình sinh sống vợ chồng chị Nh, anh H có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được.

Về con chung: Anh H, chị Nh có 1 con chung là Bùi Ng A, sinh năm 2008.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được

Đối với thửa đất mà vợ chồng anh H, chị Nh đang ở là của ông Bùi Đắc Sung và bà Nguyễn Thị Khởi thuộc thửa số 323 có diện tích 162m² theo bản đồ 299. Đến nay ông Sung, bà Khởi đã chết thửa đất này do anh Cường ở một phần, anh H ở một phần. Hồ sơ địa chính do UBND xã quản lý, thửa đất này ông Sung, bà Khởi chưa chuyển Nhng, tặng cho, thừa kế QSD đất cho ai. Thửa đất này vẫn thuộc QSD của ông Sung, bà Khởi.

Tại phiên tòa : Anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX giải quyết cho anh được ly hôn chị Nh và giải quyết con chung. Chị Nh xác định không còn tình cảm Nhng không đồng ý ly hôn vì chị chỉ ly hôn thì giải quyết tài sản chung, công sức, công nợ dứt điểm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Ánh, bà Hiền trình bày: Anh H, chị Nh có 01 con chung là Bùi Ng A, sinh năm 2008. Quá trình giải quyết vụ án nguyên vọng của anh H, chị Nh đều xin nhận nuôi hai con chung. Tuy nhiên, cháu Ánh có nguyện vọng ở với bố, do chị Nh đi làm ở tỉnh khác, từ khi anh H, chị Nh sống ly thân nhau cháu Ánh vẫn ở với anh H, cháu Ánh đang học tập tại trường THCS Xuân Trúc, Ân Thi.

Về điều kiện chăm sóc, trông nom con chung: Anh H có thu nhập ổn định thể hiện tại bảng sao kê lương tháng 4, 5 anh H đều trên 11.000.000 đồng/ tháng, hơn nữa anh H làm việc tại Hưng Yên, sáng đi làm, tối về, có điều kiện trông nom con. Còn chị Nh tại phiên tòa chị trình bày chị đang chuẩn bị mở một siêu thị nhỏ ở Hải Dương Nhng chưa đi vào hoạt động, điều đó thể hiện chị Nh chưa có thu nhập ổn định, làm việc xa nhà, vì vậy đề nghị HĐXX giao cháu Ánh cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng: Anh H nhận nuôi con không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng là tự nguyện nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thư ký, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Nguyên đơn, người có QLVN liên quan, người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 78 BLTTDS

+ Bị đơn: Đã cơ bản thực hiện quyền và nghĩa vụ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên còn vắng mặt tại buổi hoà giải và đối chất, Tòa án triệu tập đến phiên tòa vắng mặt không có lý do.

+ Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự. Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bùi Đắc H, xử cho H được ly hôn chị Nh.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Ng A, sinh năm 2008 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị Nh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H, chị Nh có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh H không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, còn chị Nh đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng. Ngày 16/02/2022 Tòa án ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 21/4/2022 Tòa án ra thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho chị Nh. Nhng chị Nh không nộp. Do vậy, không có căn cứ để xem xét việc chia tài sản chung của vợ chồng Nh chị Nh yêu cầu.

Đối với công nợ: Chị Nh có khai vợ chồng có nợ bà Mai Thị Lá (mẹ đẻ của chị Nh) Nhng bà Lá không có yêu cầu, anh H, chị Nh không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh, anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Trúc vào ngày 25/8/2006. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Nh, anh H là hợp pháp. Nay anh H có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Chị Nh đang cư trú tại CT, XT, ÂT nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Anh H khoảng mấy năm trở lại đây vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân một phần do kinh tế gia đình, mặt khác chị Nh và gia đình anh mâu thuẫn trầm trọng, anh nói Nhng chị Nh không nghe, vì vậy vợ chồng cãi nhau, tình trạng kéo dài đến tháng 6/2021 anh H làm đơn xin ly hôn chị Nh, tại lời khai ngày 18/6/2021 chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh H xin ly hôn chị nhất trí ly hôn, tuy nhiên tháng 9/2021 anh H rút đơn đề vợ chồng đoàn tụ, Nhng vợ chồng vẫn không về ở được với nhau nên anh H tiếp tục xin ly hôn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh đề nghị Tòa giải

quyết cho anh được ly hôn chị Nh. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ chị Nh, ngày 12/01/2022 chị Nh nhất trí ly hôn, sau đó chị Nh không đồng ý ly hôn nữa, Tòa án đã triệu tập chị Nh đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, chị Nh biết Nhng chị đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hoà giải đoàn tụ vợ chồng cho anh chị được. Tại phiên tòa chị Nh xác định không còn tình cảm Nhng không đồng ý ly hôn vì chưa giải quyết được vấn đề tài sản chung. Xét hôn nhân của chị Nh, anh H nhận thấy anh H, chị Nh đã ly thân nhau, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài mà anh H, chị Nh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng phù hợp với lời khai của cháu Ng A, bà Lập, hơn nữa việc xây dựng hạnh phúc gia đình yếu tố tình cảm phải được đặt lên trên hết Nhng cả hai đều xác định không còn tình cảm, bởi vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị Nh, anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H, chị Nh không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh H, chị Nh có 01 con chung là Bùi Ng A, sinh năm 2008. Nay ly hôn, cả chị Nh, anh H đều có nguyện vọng được nuôi con chung, xét nguyện vọng của anh H, chị Nh thể hiện được trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ, tuy nhiên cần phải xem xét đến nguyện vọng cũng Nh khả năng nuôi con của anh H, chị Nh, HĐXX nhận thấy cháu Ng A có nguyện vọng được ở với bố và đang học tại trường THCS Xuân Trúc, anh H hiện đang nuôi con chung, có công việc thu nhập hàng tháng thể hiện tại bản sao kê lương tháng 4, tháng 5 là trên 11.000.000 đồng, còn về phía chị Nh hiện nay chị Nh trình bày đang chuẩn bị mở một siêu thị nhỏ ở Hải Dương, chưa đi vào hoạt động nên chưa cung cấp được thu nhập, chị Nh làm xa nhà, để tránh xáo trộn trong học tập, sinh hoạt của cháu Anh, HĐXX giao cháu Bùi Ng A, sinh năm 2008 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo phát triển mọi mặt cho con chung. Về cấp dưỡng, anh H nhận nuôi con không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng là tự nguyện nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên tại lời khai ngày 30/12/2021 chị Nh có đề nghị Tòa giải quyết xem xét tài sản chung của vợ chồng là 2,5m đất mua của anh Tiên vào năm 2014, sau đó Tòa án có hướng dẫn chị Nh viết đơn yêu cầu chia tài sản chung, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, thông báo nộp tiền chi phí tố tụng chị Nh đều không nộp, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và các buổi làm việc, hòa giải tiếp theo chị Nh đều vắng mặt nên Tòa án không có căn cứ để giải quyết theo yêu cầu của chị Nh, vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, HĐXX xét thấy việc giải quyết tài sản chung của vợ chồng anh H, chị Nh sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

Về nợ: Chị Nh có khai vợ chồng có nợ bà Lá Nhng bà Lá, chị Nh, anh H không có yêu cầu nên không xem xét tại vụ án này, nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5]Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Đắc H được ly hôn chị Bùi Thị Tuyết Nh

2- Về con chung: Giao cháu Bùi Ng A, sinh năm 2008 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị Nh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H. Chị Nh có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Sau này đương sự có yêu cầu về tài sản chung; công nợ; công sức có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

4 - Về án phí : Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0003033 ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi.

5- Quyền kháng cáo: Chị Nh, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Xuân Trúc - Ân Thi;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Lương Hồng

